

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-PT

Ngày: 29-3-2019

“V/v tranh chấp đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Ông Nguyễn Đức Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 29 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐPT - DS, ngày 07 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1935. Có mặt tại phiên tòa ngày 15/3/2019; Vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/3/2019.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị D; sinh năm 1938. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của bà Hoàng Thị D: Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1935; địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền 16/4/2018.

- Anh Nguyễn Văn N; sinh năm 1972. Có mặt tại phiên tòa ngày 15/3/2019; Vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/3/2019.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị L: Anh Nguyễn Văn N; sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền 09/8/2018.

- Chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ hiện tại: 42/2/2A, đường số 2, khu phố 6, phường H, quận Th, thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ hiện tại: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng Th, anh Nguyễn Thế C, chị Nguyễn Thị Thanh T: Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền lập ngày 15/7/2018. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2016, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu:

Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), theo đo đạc mới là thửa đất số 361, tờ bản đồ số 09 tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An là đất của cha mẹ nguyên đơn để lại và nguyên đơn sinh sống trên thửa đất đó từ khi sinh ra cho đến nay. Căn cứ vào bản đồ 299 thì thửa đất gia đình nguyên đơn đã bị biến dạng, mặc dù diện tích không thiếu. Trên bản đồ 299 đã phản ánh mô mốc, diện tích, kích thước thửa đất. Cụ thể trên bản đồ phản ánh phía Đông giáp được trục xã (chiều rộng thửa đất) thì kích thước của thửa đất gia đình nguyên đơn và gia đình bà Th là bằng nhau tức mỗi thửa khoảng 12 m nhưng thửa đất gia đình nguyên đơn sử dụng hiện nay là hơn 09 m nên thiếu gần 3 m. Theo kích thước này kéo dài đến phía Tây thửa đất. Người trực tiếp làm biến dạng thửa đất từ năm 1985 là ông Nguyễn Xuân Th nhưng nguyên đơn không khởi kiện ông Th do là anh em ruột thịt và sau đó ông Th đã bán cho ông Kỷ bà Th vào năm 1990. Nay bà Th là người trực tiếp lấn chiếm nên nguyên đơn khởi kiện bà Th. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2017 nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Th trả diện tích đất lấn

chiếm là 50 m². Số liệu này do khi làm đơn nguyên đo bằng tay, số liệu không chính xác. Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định mô mốc, vị trí lấn chiếm và đo đạc lại bằng máy thì số liệu chính xác là 82 m². Vì vậy nguyên đơn yêu cầu buộc gia đình bà Nguyễn Thị Th trả lại diện tích đất lấn chiếm là 82 m² đồng thời tháo dỡ bờ tường rào và các công trình xây dựng trên đất của gia đình nguyên đơn.

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Th khai: Nguồn gốc thửa đất của gia đình bị đơn đang sử dụng là mua lại của ông Nguyễn Xuân Th (trú tại xóm Mậu 1, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An) vào năm 1990. Hiện tại ông Nguyễn Xuân Th đã chết. Khi gia đình bị đơn mua đất của ông Nguyễn Xuân Th thì mọi thủ tục mua bán đất do chồng bị đơn là ông Nguyễn Thế K giao dịch với ông Th. Gia đình bị đơn sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay, giữa gia đình bị đơn và gia đình ông Th không có tranh chấp gì. Năm 1995, UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thế K. Khi mua đất của ông Nguyễn Xuân Th thì trên thửa đất có một ngôi nhà cấp 4 lợp ngói vẩy, ngôi nhà có ghi dòng chữ 1985 (tức xây dựng năm 1985). Phần đất phía trước giáp với đường xã và gia đình ông H là ao. Mốc giới ngăn cách giữa thửa đất gia đình bị đơn mua với thửa đất gia đình ông H là cây dừa do ông Th trồng từ xưa trên phần đất của gia đình ông Th, cách ranh giới phần đất của ông H là 40 cm. Từ khi mua đất đến nay, phần đất phía Nam giáp với đất của gia đình ông H, bị đơn có xây hai đoạn bờ tường rào nhưng nằm hoàn toàn trên phần đất gia đình bị đơn vì ông H đã xây dựng các công trình của gia đình ông H trước, sau đó bị đơn mới xây. Năm 2003 khi đo đạc lại thì diện tích đất gia đình bị đơn tăng thêm 60 m², diện tích của đất ông H cũng tăng thêm 36 m² so với bản đồ 299. Từ khi mua đất đến nay gia đình bị đơn không xây dựng thêm hay coi nói gì, ranh giới giữa hai gia đình đã có từ lâu. Nay ông H khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu trả diện tích đất lấn chiếm là 82 m² bị đơn không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị L trình bày: Anh N và chị L yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị Th trả lại phần đất đã lấn chiếm với diện tích là 82 m², buộc bà Th phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất gồm bờ tường rào và một phần ngôi nhà xây năm 1985. Về các căn cứ yêu cầu như thống nhất như ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày: Theo ông H thì bản đồ 299 lập khoảng năm 1982, 1983 trong khi ông Th làm nhà năm 1985, nếu ông Th lấn chiếm thì ông H phải kiện ông Th. Gia đình bà Th chưa xây dựng gì thêm, hiện trạng giữ nguyên như khi mua năm 1990. Đối với đoạn tường

rào được xây theo cây dừa ông Th đã trồng trước đây. Vì vậy ông H khởi kiện gia đình bà Th là không có căn cứ.

Tại bản án số 08/2018/DS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự; Điều 26; khoản 5 Điều 98, Điều 168, Điều 169, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả diện tích đất lấn là 82 m² và tháo dỡ các công trình trên đất lấn tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02 (theo đo đạc cũ) nay là thửa số 361, tờ bản đồ số 09 xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 28/9/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo với các nội dung sau: Ông H không đồng ý với nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An công nhận quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa giải quyết về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá nên đề nghị cấp phúc thẩm bổ sung nội dung này.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/3/2019, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Chị Hoàng Thị D vắng mặt nhưng có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có văn bản ủy quyền cho anh

Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị Hồng Th vắng mặt nhưng có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Thế C, chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/3/2019 (tiếp tục phiên tòa tạm ngừng ngày 15/3/2019) ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[2] Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 10/8/1995 của UBND huyện N cấp cho ông Nguyễn Thế K phản ánh tại thửa số 220, tờ bản đồ số 02 có diện tích 366 m² (tăng 06m² so với bản đồ đo đạc cũ) theo trích sao hiện trạng sử dụng đất đo đạc mới thì thửa đất ông Kỷ bà Th đang sử dụng thuộc thửa số 334, tờ bản đồ số 09 có diện tích 426 m² (tăng 60 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1995). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số E: 0611422, ngày 10/8/1995 của UBND huyện N cấp cho ông Nguyễn Văn H phản ánh tại thửa số 219, tờ bản đồ số 02 có diện tích 433 m² (tăng 23m² so với bản đồ đo đạc cũ); theo trích sao hiện trạng sử dụng đất đo đạc mới thì thửa đất ông H đang sử dụng thuộc thửa số 361, tờ bản đồ số 09 có diện tích là 469 m² (tăng 36m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1995). Ông H yêu cầu căn cứ vào bản đồ 299 để xác định bà Th lấn đất gia đình ông là không có cơ sở vì bản đồ 299 chỉ xác định vị trí thửa đất và diện tích đất. Sau Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hai gia đình vào năm 1995 đều ghi bổ sung: Diện tích này thay đổi khi đo lại theo tọa độ lưới và hiện trạng sử dụng đất của hai hộ gia đình đều tăng so với bản đồ đo đạc cũ.

[2.2] Về kích thước, hình thể: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông H cho rằng căn cứ vào bản đồ 299 thì thửa đất gia đình ông đã bị biến dạng, mặc dù diện tích không thiếu. Ông H thừa nhận người trực tiếp làm biến dạng thửa đất là ông Nguyễn Xuân Th. Cụ thể: Ranh giới hai thửa đất là phía Đông trồng cây lộc vừng; phía Tây trồng cây trồng có gai. Năm 1985 ông Th đã đào cây trồng có gai ở phía Tây để xây nhà (ngôi nhà đề năm 1985 và hiện đang còn). Như vậy người có hành vi dịch chuyển mốc giới năm 1985 là ông Th nhưng tại thời điểm này cha mẹ ông H đang còn sống và không có ý kiến gì. Hai gia đình không có tranh chấp gì, ông Th sử dụng đất ổn định cho đến năm 1990 thì bán cho

ông K, bà Th. Ông H thừa nhận: Thửa đất ông Th bán cho ông Kỷ bà Th đang còn giữ nguyên hiện trạng như khi mua, bà Th không xây dựng, coi nói gì thêm, chỉ xây đoạn bờ tường rào phía Nam giáp với thửa đất ông H dài 14,7 m sau khi ông H đã xây dựng các công trình sinh hoạt của gia đình trước đó. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H khẳng định ông Th là người lấn nhưng không khởi kiện ông Th do là anh em ruột thịt và sau đó ông Th đã bán đất cho ông Kỷ bà Th nên phải yêu cầu bà Th trả lại đất là không có cơ sở.

[2.3] Hơn nữa, tại biên bản xác minh ngày 19/3/2019 Ủy ban nhân dân xã N, huyện N đã xác định nguyên nhân về sự biến dạng, thay đổi về hình thể thửa đất số 219, tờ bản đồ 02 (nay là thửa số 361, tờ bản đồ 09); hình thể thửa đất số 220, tờ bản đồ 09 (nay là thửa số 334, tờ bản đồ 09) như sau: Khi so sánh giữa số liệu đo đạc cũ (bản đồ 299) và theo đo đạc mới năm 2003 thì có sự thay đổi về hình thể ở cạnh phía Bắc thửa số 361 giáp phần đất hộ bà Nguyễn Thị Th, cụ thể theo bản đồ 299 là đường thẳng nhưng theo đo đạc 2003 thì bị gấp khúc tại một điểm 11,90 m tính từ hướng Tây sang Đông, các cạnh khác của hai thửa đất không thay đổi. Diện tích hai thửa đều tăng so với bản đồ 299. Lí do của sự khác nhau về hình thể là do bản đồ 299 đo bằng thước dây và phản ánh trên bản đồ bằng thước kẻ thủ công, còn bản đồ 2003 được đo chụp cụ thể bằng máy kinh vĩ có tọa độ. Mặt khác bản đồ 2003 được đo theo hiện trạng sử dụng nên các công trình trên đất cũng được phản ánh. Do thửa đất số 334 có 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1985 nên điểm gấp khúc là vị trí ngôi nhà (mép tường nhà giáp phần đất ông H). Năm 2018 Sở nông nghiệp tỉnh Nghệ An thực hiện dự án đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính đất xã N để chỉnh lý một số thửa đất trong khu dân cư có đăng ký biến động nhưng đa số là ộp bản đồ 2003 chứ không đo đạc lại, thửa đất 361 và 334 tờ bản đồ số 09 theo đo đạc mới chỉ thể hiện lại chỉ giới an toàn giao thông còn hình thể và diện tích theo kết quả đo đạc năm 2003. Do đó, việc thay đổi về hình thể thửa đất của ông H không phải do bà Th, và cũng không có căn cứ xác định bà Th đã lấn chiếm đất của ông H.

[2.4] Trên thửa đất gia đình bà Th đang sử dụng có 01 ngôi nhà 04 gian cấp 4 lợp ngói vẩy, chiều dài 5,4 m; chiều rộng 2,4 m do ông Th xây dựng đề năm 1985. Ngăn cách giữa ngôi nhà của ông Th xây và công trình nhà ở của gia đình ông H là đoạn bờ tường rào dài 6,75 m do ông H xây. Đoạn bờ tường rào này cách bờ tường và cột quyết của ngôi nhà ông Th xây là 0,34 m; vệt tăng đa rộng 0,5m, dài 0,24 m dọi xuống cách bờ tường rào ông H xây là 10cm. Như vậy đoạn bờ

tường rào ngăn cách hai thửa đất do ông H xây; ngôi nhà do ông Th xây năm 1985 (khi gia đình bà Th chưa mua đất của ông Th), ngôi nhà đã tồn tại trên 30 năm, không có tranh chấp nhưng ông H xác định ngôi nhà lấn đất gia đình ông với kích thước chiều rộng phía Nam là 1,69 m; phía Đông là 0,36 m (diện tích 9 m²) để xác định bà Th lấn đất là không có căn cứ theo quy định tại Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự.

[2.5] Ông H xác định đoạn bờ tường rào do bà Th xây đã lấn sang đất kích thước cạnh phía Đông giáp đường trục xã gia đình ông là 2,97 m kéo thẳng trên phần đất gia đình bà Th đang sử dụng lên phía Nam thửa đất. Tổng diện tích đất lấn chiếm là 82 m². Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ hiện trạng đang tranh chấp lập ngày 09/5/2018 xác định: Phần đất giáp với đất của gia đình bà Th, gia đình ông H đã xây dựng các công trình nhà ở, ki ốt, công trình phụ khác hết dọc thửa đất. Các công trình này do ông H xây dựng trước và không theo đường thẳng từ phía Nam thửa đất kéo lên. Bà Th có xây đoạn bờ tường rào dài 4,7 m đoạn sân lát gạch chỉ cách chái lợp tôn có tường của ông H xây dựng trước đó. Ông H thừa nhận năm 1987 ông Th có trồng 01 cây dừa giữa hai thửa đất nhưng cây dừa này nằm trên đất của gia đình ông H là không đúng. Bởi vì ông Th tự trồng cây dừa thì chỉ được trồng trên đất của gia đình ông Th hoặc có sự thỏa thuận giữa bố mẹ ông H (thời điểm này ông H không có mặt ở nhà) về việc cây dừa đó là ranh giới giữa hai gia đình. Cây dừa hiện nay vẫn còn sống và bà Th đã xây 2 đoạn bờ tường rào vào năm 2003 và năm 2012 thẳng với tim của cây dừa cách các công trình của ông H xây trước đó 20 cm là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Các công trình bà Th xây hoàn toàn nằm trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Th nên ông H yêu cầu tháo dỡ là không có căn cứ.

[2.6] Ông H đề nghị Tòa án căn cứ bản đồ 299 để xác định kích thước theo tỷ lệ 1/2000, cạnh phía Đông của hai gia đình phải bằng nhau, tức mỗi bên kích thước 12m. Tuy nhiên, bản đồ 299 không phản ánh kích thước cụ thể mà chỉ phản ánh diện tích trong khi diện tích hiện tại đang sử dụng của gia đình ông H lớn hơn 69 m² so với số liệu ghi trong bản đồ 299 nên không có căn cứ xác định đất ông H bị thiếu. Mặt khác các công trình ông H xây dựng đã sử dụng ổn định từ trước. Năm 2003 khi đo đạc lại đã căn cứ vào hiện trạng sử dụng để xác định kích thước cụ thể và ranh giới hai thửa đất là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không xuất trình được bản đồ 299 thể hiện kích thước các cạnh như ý kiến ông đưa ra, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận đề nghị xác định kích thước cạnh phía Đông của hai gia đình phải bằng nhau là 12m.

[2.7] Như vậy, các mốc giới giữa gia đình ông H và gia đình bà Th đã có từ trước, hiện trạng vẫn còn giữ nguyên là ngôi nhà xây năm 1985 và cây dừa trồng năm 1987; ông H là người xây dựng các công trình của mình trước khi bà Th xây đoạn tường rào dài 14,7 m. Bà Th không tự chuyển mốc giới hoặc ranh giới để mở rộng diện tích đất nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá các chứng cứ một cách khách quan, toàn diện. Không chấp nhận nội dung yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Th trả diện tích đất lấn chiếm là 82 m² đồng thời tháo dỡ bờ tường rào và các công trình xây dựng trên đất của gia đình nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Văn H không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Cấp sơ thẩm nhận định do yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu toàn bộ chi phí, nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng, nhưng tại phần quyết định của bản án lại không giải quyết nội dung này, cần rút kinh nghiệm cho cấp sơ thẩm

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự; Điều 26; khoản 5 Điều 98, Điều 168, Điều 169, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả diện tích đất lấn là 82 m² và tháo dỡ các công trình trên đất lấn tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02 (theo đo đạc cũ) nay là thửa số 361, tờ bản đồ số 09 xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện N;
- Chi Cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân

